|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ XÂY DỰNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2023* |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**LUẬT CẤP, THOÁT NƯỚC**

*(Phục vụ công tác thẩm định của Bộ Tư pháp)*



*Đề cương Luật Cấp, Thoát nước được xây dựng trên cơ sở đồng bộ, thống nhất với các luật có liên quan; kế thừa, phát triển những quy định từ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch và Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 về thoát nước và xử lý nước thải; quy định các nội dung về cấp nước, thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải còn thiếu, khoảng trống trong các luật hiện hành; bổ sung các quy định có tính chuyên ngành đáp ứng yêu cầu, nội dung quản lý cấp, thoát nước bằng Luật; Giải quyết được các tồn tại, bất cập trong công tác quản lý cấp, thoát nước trên thực tế; xử lý được khó khăn, vướng mắc của các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp và người dân kiến nghị trong quá trình thực thi các quy định của pháp luật về cấp, thoát nước trong thời gian qua.*

**CHƯƠNG I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Phạm vi điều chỉnh

Luật Cấp, Thoát nước quy định về điều tra cơ bản, chiến lược, quy hoạch và đầu tư phát triển hệ thống cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải; cung cấp dịch vụ cấp nước sạch, thoát nước và xử lý nước thải; bảo vệ và bảo đảm an toàn công trình cấp nước sạch, thoát nước và xử lý nước thải; quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong hoạt động cấp nước, thoát nước; trách nhiệm quản lý nhà nước về cấp, thoát nước.

1. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có hoạt động liên quan đến việc sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

1. Giải thích từ ngữ

Điều này kế thừa các giải thích từ ngữ liên quan đến cấp nước, thoát nước (thoát nước mưa, thoát nước thải) và xử lý nước thải tại Nghị định số 117/2007/NĐ-CP và Nghị định số 80/2014/NĐ-CP. Giải thích các từ ngữ, cụm từ liên quan đến nước sạch, nước sinh hoạt, thoát nước mưa, thu gom nước thải, xử lý nước sạch, xử lý nước thải, dịch vụ cấp nước, dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải, vùng cấp nước, vùng phục vụ cấp nước, lưu vực thoát nước, cấp nước phân tán, xử lý nước thải phân tán, tại chỗ, hoạt động cấp nước, hoạt động thoát nước và xử lý nước thải.

1. Nguyên tắc quản lý hoạt động cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải

1. Hoạt động cấp nước sạch là hoạt động sản xuất, kinh doanh có điều kiện, chịu sự kiểm soát của nhà nước; hoạt động thoát nước và xử lý nước thải là hoạt động cung cấp dịch vụ công ích.

2. Dịch vụ cấp nước phải bảo đảm cấp nước an toàn, phát triển bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu; dịch vụ thoát nước phải bảo đảm quản lý thoát nước an toàn và bền vững, kiểm soát, phòng chống ngập úng.

3. Quản lý hoạt động cấp nước sạch theo điều kiện nguồn nước, kinh tế - xã hội và không phụ thuộc vào địa giới hành chính; quản lý hoạt động thoát nước theo điều kiện địa hình, bố trí dân cư và lưu vực sông.

4. Tổ chức, cá nhân được quyền tiếp cận nguồn nước sạch theo hệ thống cấp nước sạch; được thoát nước mưa, xả nước thải theo hệ thống thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn.

5. Tổ chức, cá nhân phải trả tiền dịch vụ cấp nước, dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải.

6. Bảo vệ hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước là trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân; quản lý rủi ro gắn với việc bảo đảm sự hoạt động bình thường, ổn định của hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước.

7. Bảo đảm hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước được quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng hiệu quả, thích ứng biến đổi khí hậu, nước biển dâng; bảo đảm an ninh, an toàn cấp thoát nước, bảo vệ môi trường và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

1. Chính sách phát triển cấp, thoát nước

1. Phát triển hệ thống cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải theo hướng phát thải thấp, kinh tế tuần hoàn; đáp ứng các nhu cầu sử dụng nước sạch cho phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, đồng thời đóng góp vào việc bảo toàn chất lượng nước của lưu vực sông.

2. Bố trí kinh phí thực hiện điều tra cơ bản về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải; xây dựng hệ thống giám sát, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải.

3. Ưu tiên, hỗ trợ đầu tư xây dựng, vận hành công trình cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng lớn của biến đổi khí hậu.

4. Ưu đãi thuế đối với tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải phát triển phát thải thấp, kinh tế tuần hoàn, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích theo quy định của pháp luật về thuế.

5. Hỗ trợ tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải trong trường hợp phòng, chống, khắc phục hậu quả do thiên tai (động đất, sóng thần, lũ quét…), biến đổi khí hậu (hạn hán, lũ lụt, thiếu nước, xâm nhập mặn, sa mạc hóa…).

6. Đa dạng hóa hình thức đầu tư; khuyến khích xã hội hóa ngành nước, huy động, khai thác tối ưu nguồn lực tham gia đầu tư phát triển và quản lý, vận hành công trình cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải.

7. Hỗ trợ đào tạo, ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ tiên tiến, công nghệ thông minh, tiết kiệm năng lượng và thân thiện môi trường trong quản lý, đầu tư phát triển cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải

1. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về pháp luật cấp, thoát nước

Mục đích, nội dung, đối tượng tuyên truyền; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp liên quan đến: bảo vệ hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước, sử dụng nước sạch tiết kiệm, hiệu quả và chấp hành các quy định về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải.

1. Sự tham gia của cộng đồng

Sự tham gia của cộng đồng trong quá trình lập dự án đầu tư về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải; thể hiện quyền lợi, trách nhiệm đấu nối cấp nước, thoát nước; tham gia trong quá trình vận hành công trình giúp nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước, thoát nước; đồng thời bảo đảm quyền lợi người tiêu dùng.

1. Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về cấp, thoát nước

Quy định các loại quy chuẩn, tiêu chuẩn về cấp, thoát nước trong công tác lập quy hoạch, lập dự án đầu tư, khai thác vận hành công trình; quy định vật liệu đường ống nước sạch, các yêu cầu có tính chuyên ngành liên quan đến sức khỏe con người và bảo vệ môi trường.

1. Ứng dụng khoa học công nghệ trong đầu tư, quản lý vận hành công trình cấp, thoát nước

1. Quy định nguyên tắc ứng dụng công nghệ, thiết bị tiên tiến, hiện đại trong công nghệ xử lý nước; nguyên tắc sử dụng công nghệ, thiết bị, việt liệu mới thân thiện môi trường.

2. Quy định một số giải pháp hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ liên quan đến tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nước, giảm phát thải và môi trường xanh.

1. Sử dụng đất cho công trình cấp, thoát nước

Quy định sử dụng đất cho nhà máy xử lý nước sạch và xử lý nước thải, công trình trên mạng đường ống cấp nước và thoát nước mưa, nước thải liên quan đến giải pháp công nghệ, hợp khối công trình nhằm giảm quỹ đất xây dựng; đồng thời tăng cường quỹ đất cho bố trí công trình hồ điều hòa nước mưa, chống ngập, hồ sơ lắng kết hợp bảo đảm nguồn cấp nước an toàn.

1. Sử dụng nguồn nước cho hệ thống cấp nước

1. Quy định sử dụng nguồn nước mặt, nước dưới đất cho công trình cấp nước sạch.

2. Quy định sử dụng nguồn nước từ công trình thủy điện, thủy lợi cho công trình cấp nước sạch.

3. Quy định sử dụng nguồn nước ưu tiên cho cấp nước sinh hoạt trong điều kiện biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, hạn hán. Quản lý rủi ro liên quan đến nguồn nước và phương án nguồn nước dự phòng.

4. Bảo vệ nguồn nước liên quan đến xả chất thải, nước thải, biến đổi khí hậu, thiên tai, phá hoại.

1. Quản lý công trình cấp, thoát nước đồng bộ công trình hạ tầng kỹ thuật khác

1. Quy định bố trí đường ống cấp nước, thoát nước và các công trình trên tuyến gắn với hạ tầng giao thông đường bộ và công trình sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật.

2. Quy định nguồn điện ưu tiên cho công trình cấp nước, thoát nước.

3. Quy định nguyên tắc giải pháp đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ giảm thiểu tình trạng đào lên lấp xuống khi đầu tư xây dựng.

1. Cấp nước phòng cháy chữa cháy

1. Quy định nguyên tắc đầu tư, quản lý vận hành trụ nước chữa cháy trên hệ thống đường ống cấp nước.

2. Quy định nguyên tắc đầu tư, khai thác bến bãi sử dụng nguồn nước mặt phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy.

1. Hợp tác quốc tế trong hoạt động cấp, thoát nước

Quy định phạm vi hợp tác quốc tế trong hoạt động cấp, thoát nước; khuyến khích các tổ chức, cá nhân ở trong nước hợp tác với tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế trong hoạt động cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải.

1. Các hành vi bị cấm

Điều này kế thừa các hành vi bị cấm liên quan đến công trình cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải tại Nghị định số 117/2007/NĐ-CP và Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

**CHƯƠNG II**

**ĐIỀU TRA CƠ BẢN, CHIẾN LƯỢC, QUY HOẠCH CẤP NƯỚC, THOÁT NƯỚC**

**Mục 1**

**Điều tra cơ bản và chiến lược phát triển cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải**

*Việc theo dõi, quản lý cập nhật cơ sở dữ liệu không thường xuyên, không đồng bộ và chưa ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin. Do đó, việc quy định trong Luật nhằm tăng cường công tác quản lý cơ sở dữ liệu và thông tin về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải phục vụ cho việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, lập kế hoạch đầu tư xây dựng các công trình cấp, thoát nước và cung cấp thông tin cho người dân trong hoạt động cấp, thoát nước.*

1. Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải

Quy định hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; quản lý, sử dụng và chia sẻ thông tin về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải.

1. Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về cấp nước:

a) Quy định hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về cấp nước (chỉ số về sử dụng nước, công trình cấp nước, dịch vụ cấp nước…);

b) Quy định trách nhiệm xây dựng, quản lý, báo cáo hệ thống cơ sở dữ liệu cấp nước.

2. Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về thoát nước và xử lý nước thải:

a) Quy định hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về thoát nước và xử lý nước thải (nhu cầu xả nước thải, công trình thoát nước và xử lý nước thải, dịch vụ thoát nước, ngập úng, thiết lập, cập nhật bản đồ ngập úng…);

b) Quy định trách nhiệm xây dựng, quản lý, báo cáo hệ thống cơ sở dữ liệu thoát nước và xử lý nước thải.

3. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, xây dựng và giám sát hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải.

4. Sử dụng, chia sẻ nguồn dữ liệu cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải.

5. Xây dựng cổng thông tin giám sát trực tuyến chất lượng nước sạch, các chỉ số về chất lượng dịch vụ cấp, thoát nước.

1. Hoạt động điều tra cơ bản về cấp, thoát nước

Quy định hoạt động, nội dung, kế hoạch và trách nhiệm điều tra cơ bản; điều tra cơ bản được tiến hành 05 năm/lần.

1. Hoạt động điều tra cơ bản về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải để thu thập thông tin, xây dựng dữ liệu phục vụ xây dựng định hướng, quy hoạch, kế hoạch phát triển cấp, thoát nước hoặc yêu cầu thông tin, số liệu nhu cầu sử dụng nước sạch, thoát nước, xử lý nước thải phục vụ công tác quản lý nhà nước về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải.

2. Điều tra cơ bản về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải bao gồm các hoạt động sau đây:

a) Điều tra, đánh giá thực trạng sử dụng nước sạch; thu gom và xử lý nước thải; thoát nước mưa và ngập úng;

b) Điều tra, đánh giá thực trạng đầu tư, quản lý vận hành công trình cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải;

c) Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải;

d) Xây dựng, báo cáo cơ sở dữ liệu, nhu cầu đầu tư phát triển cấp, thoát của tỉnh.

3. Tổ chức thực hiện điều tra cơ bản cấp, thoát nước:

a) Điều tra cơ bản được thực hiện năm (05) năm một lần đối với quy định tại điểm a, b Khoản 2 Điều này và hàng năm đối với quy định tại điểm c, d Khoản 1 Điều này; kinh phí điều tra cơ bản do địa phương phân bổ trong kế hoạch trung hạn hoặc dài hạn.

b) Quy định trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Chiến lược phát triển cấp, thoát nước

1. Chiến lược phát triển cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải được xây dựng cho chu kỳ 10 năm, tầm nhìn 30 năm hoặc dài hơn, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

2. Chiến lược phát triển cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải xác định quan điểm, nguyên tắc chỉ đạo, tầm nhìn, mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch, đề án, nguồn lực và tổ chức thực hiện chiến lược phát triển cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải trên phạm vi toàn quốc.

3. Đối với cấp nước, Chiến lược tập trung cho đầu tư, phát triển cấp nước nông thôn hướng tới mọi người dân được tiếp cận với nguồn nước sạch với chất lượng như khu vực đô thị. Đối với thoát nước, Chiến lược tập trung cho đầu tư, xử lý nước thải khu đô thị, khu chức năng, khu vực làng nghề; thoát nước chống ngập; cải tạo phục hồi các dòng sông, kênh, mương đang bị ô nhiễm nặng nề.

**Mục 2**

**Quy hoạch và kế hoạch phát triển cấp, thoát nước**

1. Quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch cấp, thoát nước trong quy hoạch tỉnh, quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch xây dựng
2. Quy hoạch chuyên ngành cấp nước đô thị và nông thôn

1. Quy định căn cứ, nội dung; trình tự lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chuyên ngành cấp nước đô thị và nông thôn.

2. Nội dung quy hoạch chuyên ngành cấp nước đô thị và nông thôn

a) Đánh giá hiện trạng hệ thống cấp nước: nguồn khai thác, công suất, hiệu suất khai thác, chất lượng nước sạch, áp lực nước, tỷ lệ đấu nối, tỷ lệ thất thoát, thất thu và đánh giá tình trạng hoạt động các công trình, mạng lưới đường ống cấp nước;

b) Đánh giá cụ thể trữ lượng, chất lượng các nguồn nước mặt, nước ngầm và khả năng khai thác cho cấp nước;

c) Xác định các chỉ tiêu cấp nước cho các mục đích sử dụng, nhu cầu cấp nước;

d) Lựa chọn cụ thể nguồn cấp nước;

đ) Phân vùng cấp nước theo một hoặc một số các nhà máy cấp nước lớn, cấp nước phân tán và điều kiện cụ thể của nguồn nước; nhu cầu sử dụng đất cho các công trình cấp nước

e) Xác định mạng lưới đường ống cấp nước (mạng cấp I, cấp II), vị trí, quy mô công suất các công trình cấp nước;

g) Xác định các chương trình, dự án và kế hoạch, giai đoạn thực hiện.

1. Nội dung quy hoạch cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải trong quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn.

a) Phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực; phù hợp với quy hoạch tỉnh, quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch tài nguyên nước;

b) Định hướng phương án phát triển hệ thống cấp, thoát nước đô thị, nông thôn và vùng phụ cận nhằm phát triển cấp nước, giải quyết triệt để tình trạng ngập úng do mưa và toàn bộ nước thải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường;

c) Xác định chỉ tiêu tính toán, dự báo nhu cầu cấp nước, tổng lượng nước thải, phương án quy hoạch xây dựng nhà máy xử lý nước sạch, nhà máy xử lý nước thải; Dự án ưu tiên và phân kỳ đầu tư theo từng giai đoạn quy hoạch.

1. Kế hoạch phát triển cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải

1. Kế hoạch phát triển cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh, trong giai đoạn 05 năm, bao gồm:

a) Kế hoạch phát triển cấp nước bao gồm các giải pháp, phương án đầu tư, công việc cụ thể nhằm từng bước nâng cao độ bao phủ dịch vụ, cải thiện điều kiện chất lượng dịch vụ trong vùng phục vụ cấp nước;

b) Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước và xử lý nước thải bao gồm các giải pháp, phương án đầu tư, công việc cụ thể nhằm bảo đảm tiêu thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải, nâng cao độ bao phủ dịch vụ và cải thiện chất lượng dịch vụ.

2. Kế hoạch phát triển cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải phải phù hợp với quy hoạch cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải chuyên ngành hoặc nội dung quy hoạch cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn.

3. Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải.

**CHƯƠNG III**

**ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH CẤP, THOÁT NƯỚC**

**Mục 1**

**Đầu tư xây dựng dự án, công trình cấp nước**

1. Quản lý đầu tư xây dựng dự án, công trình cấp nước

Quy định về chủ quản đầu tư, chủ sở hữu, chủ đầu tư dự án, công trình cấp nước; về lựa chọn công nghệ, phương án cấp nước; hình thức đầu tư; đầu tư trong trường hợp cấp bách; quản lý đầu tư theo vùng phục vụ cấp nước.

1. Cơ quan quản lý, chủ đầu tư dự án, công trình cấp nước.

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan theo phân cấp là cơ quan có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án cấp nước;

b) Chủ đầu tư dự án, công trình cấp nước đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan theo phân cấp quyết định; đối với dự án sử dụng nguồn vốn khác là đơn vị cấp nước hoặc do đơn vị cấp nước quyết định. Đơn vị cấp nước thực hiện đầu tư, vận hành công trình cấp nước là chủ đầu tư dự án. Quy định chủ đầu tư dự án cấp nước phải phù hợp với quy định của Luật đầu tư, Luật đầu tư công và Luật Doanh nghiệp.

2. Đầu tư dự án, công trình cấp nước theo quy hoạch, kế hoạch và nhu cầu sử dụng nước.

a) Đầu tư xây dựng dự án, công trình cấp nước phải phù hợp với phân vùng cấp nước trong quy hoạch cấp nước và kế hoạch phát triển cấp nước đã được phê duyệt;

b) Đầu tư phát triển mạng phân phối, đấu nối tới các khách hàng sử dụng nước thuộc trách nhiệm, thẩm quyền của đơn vị cấp nước khi đã có kế hoạch phát triển cấp nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Ưu tiên đầu tư xây mới hoặc nâng công suất nhà máy xử lý nước quy mô lớn hoặc phát triển mở rộng mạng lưới đường ống cấp nước vùng phục vụ cấp nước đã có, nhằm hỗ trợ cấp nước từ khu vực đô thị, khu chức năng sang khu vực nông thôn; hạn chế đầu tư nhà máy xử lý nước nhỏ lẻ trong vùng cấp nước của nhà máy xử lý nước quy mô lớn.

3. Đầu tư dự án, công trình cấp nước quy mô vùng liên tỉnh, cấp nước phân tán và cấp nước quy mô hộ gia đình.

4. Đầu tư dự án, công trình cấp nước có tính cấp bách đáp ứng nhu cầu sử dụng nước trong điều kiện biến đổi khí hậu, thiên tai, khủng bố, phá hoại.

1. Nguồn lực đầu tư xây dựng dự án, công trình cấp nước

1. Quy định các nguồn lực nhà nước, tư nhân và các nguồn lực khác cho dự án, công trình cấp nước, vùng phục vụ cấp nước, thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn.

2. Đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực cấp nước

3. Nguồn lực đầu tư công trình cấp nước quy mô vùng liên tỉnh, cấp nước phân tán và cấp nước quy mô hộ gia đình.

**Mục 2**

**Đầu tư xây dựng dự án, công trình thoát nước và xử lý nước thải**

1. Quản lý đầu tư xây dựng dự án, công trình thoát nước và xử lý nước thải

1. Quy định về cơ quan chủ quản đầu tư, chủ sở hữu, chủ đầu tư dự án, công trình thoát nước và xử lý nước thải.

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc ủy quyền, phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện là chủ sở hữu hệ thống thoát nước được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác khi được bàn giao;

b) Các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới, khu công nghiệp là là chủ đầu tư công trình thoát nước do mình bỏ vốn đầu tư; tiếp tục là chủ sở hữu hệ thống thoát nước đến khi bàn giao theo quy định;

2. Đầu tư xây dựng dự án, công trình thoát nước và xử lý nước thải theo quy hoạch, kế hoạch và yêu cầu bảo vệ môi trường.

3. Khuyến khích đầu tư theo mô hình hợp tác công tư.

1. Quản lý đầu tư dự án, công trình thoát nước chống ngập

Cơ sở lập dự án đầu tư; phạm vi, đối tượng nghiên cứu; nội dung đầu tư; tính đồng bộ với hệ thống tiêu thoát nước thủy lợi; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan.

1. Quản lý đầu tư công trình thoát nước và xử lý nước thải phân tán, phi tập trung (nhỏ lẻ, quy mô hộ/cụm gia đình)

1. Dự án thoát nước và xử lý nước thải phân tán được áp dụng đối với các khu hoặc điểm dân cư nông thôn, khu đô thị mới, hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, chợ, trường học, khu nghỉ dưỡng hoặc các khu vực bị hạn chế bởi đất đai, địa hình... không có khả năng hoặc chưa thể kết nối với hệ thống thoát nước tập trung.

2. Dự án thoát nước và xử lý nước thải phân tán phải tính đến khả năng đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung trong tương lai và phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

1. Nguồn lực đầu tư xây dựng dự án, công trình thoát nước và xử lý nước thải

Quy định về các nguồn lực đầu tư công trình thoát nước chống ngập, thu gom và xử lý nước thải; quy định nguyên tắc sử dụng nguồn ngân sách nhà nước, tư nhân và các nguồn vốn khác cho khu vực đô thị, khu chức năng, khu dân cư nông thôn tập trung.

1. Quy định các nguồn lực nhà nước, tư nhân và các nguồn lực khác cho đầu tư mới và nâng cấp, cải tạo dự án, công trình thoát nước mưa chống ngập và thu gom, xử lý nước thải;

2. Quy định nguồn lực nhà nước của trung ương, chính quyền địa phương đối với đầu tư công trình thoát nước mưa chống ngập và thu gom, xử lý nước thải, đấu nối thoát nước

**CHƯƠNG IV**

**VẬN HÀNH, KHAI THÁC CÔNG TRÌNH CẤP, THOÁT NƯỚC**

**Mục 1**

**Vận hành, khai thác công trình cấp nước**

1. Lựa chọn đơn vị cấp nước

Quy định nguyên tắc lựa chọn đơn vị cấp nước thực hiện dịch vụ cấp nước theo vùng phục vụ cấp nước, vùng cấp nước; quy định nguyên tắc thay đổi đơn vị cấp nước khi không đáp ứng yêu cầu chất lượng dịch vụ. Trong đó, lựa chọn chủ đầu tư công trình cấp nước tuân thủ theo pháp luật đầu tư và đấu thầu; lựa chọn đơn vị cấp nước (đơn vị quản lý vận hành) phù hợp với yêu cầu quản lý chuyên ngành.

1. Đơn vị cấp nước có thể lựa chọn và được lựa chọn làm đơn vị quản lý vận hành một số hoặc đồng bộ tất cả các hạng mục của hệ thống cấp nước từ công trình khai thác, nhà máy xử lý nước, mạng cấp I, mạng cấp II đến mạng cấp III để kinh doanh bán buôn, bán lẻ nước sạch.

2. Đối với việc phát triển, mở rộng vùng phục vụ cấp nước theo vùng cấp nước được xác định trong quy hoạch cấp nước thì đơn vị cấp nước đang được giao thực hiện dịch vụ cấp nước trong vùng phục vụ cấp nước đó được chỉ định là đơn vị cấp nước nếu bảo đảm điều kiện năng lực và có đề xuất kinh tế - kỹ thuật hợp lý.

3. Đối với vùng cấp nước hoặc công trình nhà máy xử lý nước đã được xác định theo quy hoạch cấp nước do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt được công bố, kêu gọi đầu tư, tổ chức đấu thầu lựa chọn chủ đầu tư theo các quy định của pháp luật về đấu thầu.

4. Công trình nhà máy xử lý nước được phân kỳ làm nhiều giai đoạn đầu tư hoặc công trình nhà máy xử lý nước xây mới theo quy hoạch cấp nước phục yêu cầu phát triển, mở rộng vùng phục vụ cấp nước thì đơn vị cấp nước đã thực hiện đầu tư xây dựng giai đoạn trước hoặc đang được giao vùng phục vụ cấp nước đó có thể được xem xét, chỉ định làm chủ đầu tư nếu bảo đảm điều kiện năng lực và có đề xuất kinh tế - kỹ thuật hợp lý.

5. Đối với vùng cấp nước có hiệu quả đầu tư thấp thuộc khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo và vùng chịu tác động lớn của biến đổi khí hậu, được xem xét, chỉ định đơn vị cấp nước đang thực hiện dịch vụ cấp nước khu vực đô thị, khu chức năng là chủ đầu tư nhằm hỗ trợ đầu tư và bù chéo giá nước sạch.

6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lựa chọn đơn vị cấp nước trên địa bàn do mình quản lý.

a) Đối với công trình cấp nước có phạm vi cấp nước trên địa bàn cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân) tổ chức lựa chọn đơn vị cấp nước, có sự tham gia của các địa phương trong vùng cấp nước;

b) Đối với công trình cấp nước có phạm vi cấp nước trên địa bàn từ hai tỉnh trở lên, việc lựa chọn đơn vị cấp nước tuân thủ theo pháp luật về đầu tư hoặc giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có nhà máy xử lý nước nằm trên địa bàn chủ trì, có sự tham gia của các tỉnh liên quan.

1. Vùng phục vụ cấp nước

Quy định việc giao vùng phục vụ cấp nước cho đơn vị cấp nước; các yêu cầu quản lý theo vùng phục vụ cấp nước; việc điều chỉnh vùng phục vụ cấp nước đáp ứng yêu cầu phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ.

1. Một đơn vị cấp nước có thể có một hoặc nhiều vùng phục vụ cấp nước khác nhau, mỗi vùng phục vụ cấp nước chỉ do một đơn vị cấp nước thực hiện dịch vụ cấp nước.

2. Vùng phục vụ cấp nước được xác định theo vùng cấp nước trong quy hoạch cấp nước và phù hợp với nhu cầu cấp nước, năng lực quản lý, tài chính của đơn vị cấp nước và các yếu tố về kinh tế - kỹ thuật khác.

3. Đơn vị cấp nước có nghĩa vụ bảo đảm việc đấu nối các khách hàng sử dụng nước vào mạng lưới cấp nước trong vùng phục vụ của mình, bảo đảm cân đối nhu cầu sử dụng nước đối với các mục đích sử dụng nước khác nhau.

4. Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được ủy quyền quyết định vùng phục vụ cấp nước cho các đơn vị cấp nước trên địa bàn. Vùng phục vụ cấp nước được điều chỉnh khi:

a) Thay đổi vùng cấp nước do điều chỉnh quy hoạch, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội;

b) Tăng hiệu quả kinh tế, kỹ thuật khi khai thác vận hành công trình cấp nước và được sự đồng thuận của cộng đồng, đơn vị cấp nước có liên quan;

c) Đơn vị cấp nước không đáp ứng yêu cầu về Hợp đồng thực hiện dịch vụ cấp nước, kế hoạch phát triển cấp nước và bảo đảm cấp nước an toàn.

1. Quy định về vận hành, khai thác công trình cấp nước

Quy định nguyên tắc về yêu cầu về năng lực quản lý vận hành công trình; trách nhiệm của các bên liên quan đến thành lập hoặc thuê tổ chức thực hiện vận hành, duy tu, bảo dưỡng tài sản công trình; công cụ theo dõi, kiểm soát quy trình vận hành cấp nước sạch.

Quy định thành lập công thông tin giám sát trực tuyến hệ thống cấp nước; nội dung giám sát; trách nhiệm giám sát và cơ chế phối hợp xử lý các sự cố, rủi ro.

1. Quản lý công trình cấp nước phân tán, quy mô hộ gia đình

Quy định các mô hình tổ chức quản lý, đầu tư, vận hành công trình cấp nước phân tán, quy mô hộ gia đình cho khu vực dân cư nông thôn vùng sâu, xa, biên giới và hải đảo; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan.

1. Quy định mô hình tổ chức quản lý, vận hành công trình cấp nước phân tán.

2. Quy định mô hình tổ chức quản lý, vận hành công trình cấp nước quy mô hộ gia đình.

1. Quản lý công trình cấp nước quy mô liên tỉnh

Quy định mô hình tổ chức quản lý, vận hành công trình cấp nước quy mô vùng từ 02 tỉnh trở lên; trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

1. Mô hình doanh nghiệp cấp nước quy mô vùng liên tỉnh.

2. Quản lý, sử dụng, vận hành công trình cấp nước quy mô vùng liên tỉnh.

3. Trách nhiệm phối hợp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các tổ chức có liên quan.

**Mục 2**

**Vận hành, khai thác công trình thoát nước và xử lý nước thải**

1. Lựa chọn đơn vị thoát nước

Quy định nguyên tắc lựa chọn đơn vị thoát nước thực hiện dịch vụ thoát nước; các yêu cầu về năng lực, trang thiết bị của đơn vị thoát nước; quy định tổ chức đơn vị thoát nước tại địa phương.

1. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước tổ chức lựa chọn đơn vị thoát nước trên địa bàn do mình quản lý.

2. Đối với hệ thống thoát nước đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung được đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước, việc lựa chọn đơn vị thoát nước tuân thủ theo quy định pháp luật hiện hành về cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích.

3. Đơn vị thoát nước phải có nhân lực, trang thiết bị và phương tiện kỹ thuật cần thiết để thực hiện các yêu cầu và nhiệm vụ của công tác quản lý, vận hành hệ thống thoát nước mưa và nước thải.

1. Kiểm soát năng lực vận hành công trình thoát nước và xử lý nước thải

Quy định cấp giấy phép “Thực hiện hoạt động dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải” cho đơn vị thoát nước tham gia quản lý vận hành và bảo trì hệ thống thoát nước.

1. Quản lý lưu vực thoát nước và phân vùng thoát nước

Quy định nguyên tắc quản lý, phân vùng thoát nước, lưu vực thoát nước

1. Quy định quản lý phân vùng thoát nước mưa và chống ngập theo điều kiện địa hình, phân bố dân cư và kết nối với tiêu thoát nước thủy lợi, lưu vực sông.

2. Quy định quản lý phân lưu vực thu gom và xử lý nước thải.

1. Quy định quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải tại địa phương

1. Quy định quản lý hoạt động thoát nước địa phương phải tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý thoát nước và xử lý nước thải đồng thời phải phù hợp với điều kiện cụ thể của mỗi địa phương.

2. Nội dung quy định quản lý hoạt động thoát nước địa phương:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng, xác định chủ sở hữu hệ thống thoát nước tại địa phương;
2. Quy định đấu nối thoát nước hệ thống thoát nước tại địa phương;
3. Quy định về trách nhiệm lập, quản lý, vận hành và sử dụng cơ sở dữ liệu hệ thống thoát nước;
4. Quy định trách nhiệm báo cáo tình hình hoạt động thoát nước;
5. Quy định về trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập và phê duyệt quy định quản lý hoạt động thoát nước địa phương.

1. Quy định về quản lý vận hành, khai thác công trình thoát nước và xử lý nước thải

Quy định về yêu cầu quản lý, vận hành, bảo trì công trình thoát nước mưa chống ngập, thu gom và xử lý nước thải; quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong quản lý vận hành công trình.

1. Quản lý, vận hành hệ thống thoát nước mưa.

a) Quản lý hệ thống thoát nước mưa bao gồm quản lý các công trình từ cửa thu nước mưa, các tuyến cống dẫn nước mưa, các kênh mương thoát nước chính, hồ điều hòa và các trạm bơm chống úng ngập, cửa điều tiết, các van ngăn triều đến hệ thống tiêu thoát nước thủy lợi, lưu vực sông;

b) Các tuyến cống, mương, hố ga phải được nạo vét, duy tu, bảo trì định kỳ, bảo đảm dòng chảy theo thiết kế. Thường xuyên kiểm tra, bảo trì nắp hố ga, cửa thu, cửa xả nước mưa. Định kỳ kiểm tra, đánh giá chất lượng các tuyến cống, các công trình thuộc mạng lưới để đề xuất phương án thay thế, sửa chữa;

c) Thiết lập quy trình quản lý hệ thống thoát nước mưa bảo đảm yêu cầu kỹ thuật quản lý, vận hành theo quy định.

2. Quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải.

a) Quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải bao gồm các nhà máy xử lý nước thải, trạm bơm, tuyến cống áp lực, công trình đầu mối, điểm đấu nối, tuyến cống thu gom, chuyển tải đến nhà máy xử lý nước thải, các điểm xả... phải tuân thủ các quy trình quản lý, vận hành đã được phê duyệt;

b) Định kỳ kiểm tra, đánh giá chất lượng công trình đầu mối, công trình trên mạng lưới thoát nước; độ kín, lắng cặn tại các điểm đấu nối, hố ga và tuyến cống nhằm bảo đảm khả năng hoạt động liên tục của hệ thống, đề xuất các biện pháp thay thế, sửa chữa, nạo vét, bảo trì và kế hoạch phát triển hệ thống thoát nước;

c) Định kỳ thực hiện quan trắc chất lượng nước thải trong hệ thống thoát nước phù hợp với pháp luật về bảo vệ môi trường;

d) Thiết lập quy trình quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải bảo đảm yêu cầu về kỹ thuật quản lý, vận hành theo quy định.

3. Đầu tư, cải tạo và hoàn thiện công trình thu gom, xử lý nước thải tại các khu, cụm công nghiệp, khu đô thị cũ, cơ sở y tế đáp ứng yêu.

4. Bảo trì hệ thống thoát nước

5. Quyền và trách nhiệm của đơn vị thoát nước.

1. Quản lý hoạt động thoát nước chống ngập gắn với quản lý cao độ nền đô thị

1. Quản lý hoạt động thoát nước gắn với cao độ nền đô thị.

a) Cao độ nền đô thị được xác định trong đồ án quy hoạch xây dựng theo hệ cao độ chuẩn quốc gia phải bảo đảm yêu cầu tiêu thoát nước mưa, nước thải và được cấp có thẩm quyền phê duyệt; việc điều chỉnh cao độ nền đô thị phải được cơ quan quản lý thoát nước và có giải pháp đảm bảo thoát nước chống ngập hoạt động hiệu quả;

d) Cơ quan có thẩm quyền thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công, cấp phép xây dựng có trách nhiệm kiểm tra sự phù hợp giữa cao độ thiết kế công trình xây dựng và cao độ nền đô thị.

c) Các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình đầu tư xây dựng công trình phải tuân thủ cao độ nền đô thị đã được phê duyệt trong quy hoạch và công trình, dự án đầu tư;

b) Cơ quan quản lý về hoạt động xây dựng theo phân cấp có trách nhiệm quản lý, giám sát hoạt động xây dựng của các tổ chức, cá nhân phù hợp với thiết kế cao độ nền;

2. Quản lý cao độ của hệ thống thoát nước.

a) Xác định và quản lý cao độ mực nước các hồ điều hòa, kênh mương thoát nước nhằm bảo đảm tối đa khả năng tiêu thoát, điều hòa nước mưa, chống úng ngập và bảo vệ môi trường;

b) Quản lý cao độ các tuyến cống chính và cống thu gom nước thải, nước mưa;

c) Cung cấp cao độ của hệ thống thoát nước cho các tổ chức, cá nhân có yêu cầu.

3. Trách nhiệm phối hợp với đơn vị thoát nước trong việc bảo đảm yêu cầu về thoát nước, chống ngập úng đô thị

1. Quản lý hồ điều hòa, thoát nước chống ngập

Quy định liên quan đến hồ điều hòa, lưu trữ nước mưa, thoát nước chống ngập trong quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, phát triển, bố trí dân cư.

1. Hệ thống thoát nước chung có điều tiết bằng hồ điều hòa, nước mưa khi xả vào hồ điều hòa phải qua giếng tràn nước mưa.

2. Việc trữ nước và điều tiết mực nước của hồ điều hòa phải bảo đảm nhiệm vụ điều tiết nước mưa.

3. Đơn vị thoát nước có trách nhiệm theo dõi, giám sát và điều tiết cao độ mực nước các hồ điều hòa, kênh, mương, cống thoát nước, bảo đảm tối đa khả năng tiêu thoát, điều hòa thoát nước mưa, chống ngập úng

4. Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp quản lý lập quy trình vận hành và các quy định khai thác, sử dụng hồ điều hòa thoát nước và chống ngập.

1. Quản lý bùn thải

Quy định về quản lý, thu gom và xử lý bùn thải từ nhà máy xử lý nước thải, hệ thống cống, kênh rạch tiêu thoát nước và bể tự hoại

1. Bùn thải từ hệ thống thoát nước được phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý để quản lý và lựa chọn công nghệ xử lý phù hợp.

2. Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp lập, quản lý chi phí dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý bùn thải hệ thống thoát nước.

1. Quản lý cửa xả và chất lượng nước thải sau xử lý

1. Việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Việc xả nước thải vào nguồn tiếp nhận được quản lý thống nhất theo lưu vực.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định phân cấp, quản lý thống nhất các điểm xả; giám sát chất lượng nước thải của hệ thống thoát nước và các hộ thoát nước trên địa bàn tỉnh xả thải trực tiếp vào nguồn tiếp nhận.

1. Tái sử dụng nước mưa, nước thải sau xử lý

Quy định quản lý tuần hoàn tái sử dụng nước từ nguồn nước mưa, nước thải sau xử lý.

1. Quy định tái sử dụng nước mưa.

2. Quy định sử dụng nước thải sau xử lý.

3. Quy định cơ chế, chính sách khuyến khích các cơ sở sản xuất, dịch vụ (nhà hành, khách sạn, cơ quan hành chính) tái sử dụng nước thải.

1. Quản lý, khai thác, sử dụng tài sản công trình thoát nước và xử lý nước thải

1. Quy định tổ chức quản lý tài sản công trình thoát nước và xử lý nước thải theo Luật Tài sản công.

2. Quy định quyền kiểm soát tài sản công trình thoát nước và xử lý nước thải.

3. Các dự án đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật có liên quan đến hệ thống thoát nước phải có phương án bảo đảm sự hoạt động bình thường, ổn định hệ thống thoát nước.

4. Quy định cơ quan, tổ chức liên quan đến quản lý tài sản công trình thoát nước và xử lý nước thải do nhà nước là chủ sở hữu hoặc nhận bàn giao từ các tổ chức, cá nhân.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định phân cấp, quản lý.

**CHƯƠNG V**

**QUẢN LÝ DỊCH VỤ CẤP, THOÁT NƯỚC**

**Mục 1**

**Quản lý dịch vụ cấp nước**

1. Quyền và trách nhiệm của đơn vị cấp nước và khách hàng sử dụng nước sạch

1. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị cấp nước

2. Quyền và nghĩa vụ của khách hàng sử dụng nước.

1. Quy định điều kiện kinh doanh nước sạch

Quy định nguyên tắc điều kiện kinh doanh nước sạch; quy định thủ tục hành chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nước sạch; quyền, nghĩa vụ của các tổ chức có liên quan.

1. Kinh doanh nước sạch thuộc danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Các tổ chức tham gia sản xuất, cung cấp nước sạch nhằm mục đích kinh doanh bán buôn, bán lẻ nước sạch phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nước sạch.

2. Điều kiện kinh doanh nước sạch bao gồm:

a) Pháp nhân của doanh nghiệp;

b) Tổ chức bộ máy cơ bản;

c) Yêu cầu tối thiểu về năng lực chuyên ngành của lãnh đạo và nhân sự phụ trách bộ phận chuyên môn;

d) Một số điều kiện khác liên quan đến hợp đồng thực hiện dịch vụ, kế hoạch phát triển cấp nước, chất lượng nước sạch.

2. Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nước sạch

3. Nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nước sạch.

1. Quản lý hợp đồng cấp nước

Quy định nội dung kiểm soát chất lượng dịch vụ cấp nước giữa chính quyền địa phương, doanh nghiệp cấp nước và khách hàng sử dụng dịch vụ cấp nước; quy định các hợp đồng dịch vụ, quyền, nghĩa vụ của các bên.

1. Hợp đồng thực hiện dịch vụ cấp nước giữa Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được ủy quyền với đơn vị cấp nước thực hiện dịch vụ cấp nước trên địa bàn

2. Hợp đồng cấp nước bán buôn giữa đơn vị cấp nước bán buôn và đơn vị cấp nước bán lẻ.

3. Hợp đồng dịch vụ cấp nước giữa đơn vị cấp nước với khách hàng sử dụng nước;

4. Hợp đồng thuê quản lý vận hành công trình cấp nước.

1. Quản lý đấu nối và chất lượng dịch vụ cấp nước

Quy định chất lượng dịch vụ cấp nước, nội dung đấu nối, chất lượng dịch vụ tại điểm đấu nối; các yêu cầu kỹ thuật về đấu nối; trách nhiệm đấu nối và tổ chức đấu nối.

1. Quy định điểm đấu nối

2. Chất lượng dịch vụ cấp nước tại điểm đấu nối bao gồm chất lượng nước, áp lực, lưu lượng, tính liên tục của dịch vụ phải phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

3. Trách nhiệm đấu nối và tổ chức đấu nối: Đơn vị cấp nước có trách nhiệm đầu tư và tổ chức đấu nối đảm bảo hoạt động ổn định của hệ thống cấp nước; Khách hàng trong vùng phục vụ cấp nước được quyền tiếp cận nguồn nước sạch, yêu cầu đơn vị cấp nước thực hiện đấu nối và chịu trách nhiệm chi trả chi phí duy trì đấu nối thông giá nước sạch hoặc được trừ dần vào tiền sử dụng nước

1. Bảo đảm cấp nước an toàn

Quy định về bảo đảm cấp nước an toàn đối với hệ thống cấp nước; quy định nội dung, trách nhiệm quản lý, lập và thực hiện kế hoạch phát triển cấp nước.

1. Kế hoạch cấp nước an toàn

a) Đơn vị cấp nước có nhiệm vụ tổ chức sản xuất an toàn, cung cấp ổn định dịch vụ cấp nước cho các khách hàng sử dụng nước về chất lượng nước, áp lực, lưu lượng và tính liên tục theo quy chuẩn kỹ thuật và Hợp đồng dịch vụ cấp nước đã ký kết;

b) Nội dung kế hoạch cấp nước an toàn bao gồm các hoạt động, giải pháp cụ thể nhằm giảm thiểu thất thoát, thất thu, lãng phí nước, loại bỏ, phòng ngừa, khắc phục các nguy cơ, rủi ro gây mất an toàn cấp nước từ nguồn nước qua các công đoạn thu nước, xử lý, dự trữ và phân phối đến khách hàng sử dụng nước.

2. Lập và triển khai thực hiện kế hoạch phát triển cấp nước

a) Kế hoạch phát triển cấp nước bao gồm các giải pháp, phương án đầu tư, công việc cụ thể nhằm từng bước nâng cao độ bao phủ dịch vụ, cải thiện điều kiện chất lượng dịch vụ trong vùng phục vụ cấp nước;

b) Kế hoạch phát triển cấp nước phải phù hợp với quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch xây dựng, quy hoạch cấp nước đã được phê duyệt và có sự phối hợp với các địa phương có liên quan.

c) Đơn vị cấp nước có nghĩa vụ lập và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được ủy quyền phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước năm năm theo vùng phục vụ cấp nước.

4. Đối với các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung quy mô lớn, có vai trò đặc biệt quan trọng, xây dựng phương án, có giải pháp bảo vệ, đảm bảo an ninh, an toàn cấp nước.

**Mục 2**

**Quản lý dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải**

1. Quyền và trách nhiệm của đơn vị thoát nước và khách hàng thoát nước, xả thải

1. Quyền và trách nhiệm của đơn vị thoát nước

2. Quyền và trách nhiệm của khách hàng thoát nước, xả thải

1. Hợp đồng thoát nước

Quy định nội dung, quyền, nghĩa vụ của các bên liên quan đến hợp đồng quản lý vận hành công trình, hợp đồng dịch vụ thoát nước.

1. Hợp đồng quản lý vận hành hệ thống thoát nước, xử lý nước thải

2. Hợp đồng dịch vụ thoát nước

1. Quản lý đấu nối hệ thống thoát nước

Quy định nội dung đấu nối, chất lượng, lưu lượng nước thải tại điểm đấu nối; các yêu cầu kỹ thuật về đấu nối; trách nhiệm đấu nối và tổ chức đấu nối.

1. Thông báo dịch vụ thoát nước, quy định đấu nối.

2. Nguyên tắc đấu nối hệ thống thoát nước

3. Yêu cầu đấu nối thoát nước

4. Nội dung quy định đấu nối hệ thống thoát nước: điểm đấu nối; xả nước thải tại điểm đấu nối; hỗ trợ đấu nối; miễn trừ đấu nối, trách nhiệm đấu nối và tổ chức đấu nối; Quy định đấu nối là một nội dung trong quy định thoát nước địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.

1. Quản lý thoát nước an toàn và bền vững

Quy định về quản lý thoát nước an toàn và bền vững bao gồm kiểm soát thoát nước chống ngập, kiểm soát rủi ro ô nhiễm môi trường do nước thải và vệ sinh từ các hộ xả nước thải, thu gom, xử lý nước thải đến xả ra môi trường; quy định nội dung, trách nhiệm quản lý, lập và thực hiện

1. Bảo đảm an toàn vệ sinh môi trường đối với nước thải và kiểm soát ngập úng

a) Kế hoạch bảo đảm an toàn vệ sinh môi trường đối với nước thải;

b) Kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ nguồn nước;

c) Quy định phòng ngừa và kiểm soát ngập úng;

d) Trách nhiệm quản lý nhà nước trong việc bảo đảm an toàn vệ sinh môi trường đối với nước thải và kiểm soát ngập úng.

2. Lập và triển khai thực hiện kế hoạch phát triển thoát nước, xử lý nước thải, chống ngập theo lưu vực thoát nước

a) Quy định lập và triển khai thực hiện kế hoạch phát triển thoát nước, xử lý nước thải, chống ngập theo lưu vực thoát nước

b) Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức.

**CHƯƠNG VI**

**QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VỀ CẤP, THOÁT NƯỚC**

**Mục 1**

**Quản lý tài chính về cấp nước**

1. Nguyên tắc xác định giá dịch vụ nước sạch

1. Nguyên tắc xác định giá nước sạch.

a) Giá nước sạch phải được tính đúng, tính đủ các yếu tố chi phí sản xuất hợp lý trong quá trình sản xuất, phân phối nước sạch nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đơn vị cấp nước và khách hàng sử dụng nước;

b) Giá nước sạch phải bảo đảm để các đơn vị cấp nước duy trì, phát triển, khuyến khích nâng cao chất lượng dịch vụ, góp phần tiết kiệm sử dụng nước có xét đến hỗ trợ người nghèo;

c) Giá nước sạch được xác định phù hợp với đặc điểm nguồn nước, điều kiện sản xuất nước của từng vùng, từng địa phương, từng khu vực.

2. Phương án giá nước sạch.

a) Phương án giá nước sạch được xác định trên cơ sở tổng chi phí sản xuất, kinh doanh nước sạch tương ứng với sản lượng nước sạch thương phẩm trong 01 năm của đơn vị cấp nước;

b) Thực hiện cơ chế bù giá hợp lý giữa các nhóm khách hàng có mục đích sử dụng nước khác nhau; giữa khu vực đô thị, công nghiệp với nông thôn; giữa các vùng phục vụ cấp nước trên địa bàn tỉnh do một đơn vị cấp nước thực hiện.

1. Quy định lập, thẩm định và phê duyệt giá dịch vụ nước sạch 1. Thẩm quyền thẩm định và trách nhiệm ban hành giá nước sạch:

2. Điều chỉnh giá nước sạch khi.

1. Quản lý tài chính về cấp nước

Quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư công trình cấp nước, cụ thể cấp nước cho dân cư nông thôn nghèo, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng khó khăn về nguồn nước, vùng chịu tác động lớn về biến đổi khí hậu; quản lý vốn nhà nước trong doanh nghiệp cấp nước; nguồn vốn nhà nước cho đầu tư phát triển cấp nước.

1. Quy định cơ chế ưu đãi đầu tư công trình cấp nước.

2. Quy định cơ chế hỗ trợ đầu tư, hỗ trợ giá nước sạch cho dân cư nông thôn nghèo, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng khó khăn về nguồn nước vùng chịu tác động lớn của biến đổi khí hậu.

3. Quy định cơ chế hỗ trợ đầu tư, hỗ trợ giá nước sạch công trình cấp nước quy mô vùng liên tỉnh.

4. Quản lý vốn đầu tư nhà nước trong doanh nghiệp cấp nước

**Mục 2**

**Quản lý tài chính về thoát nước và xử lý nước thải**

1. Nguyên tắc xác định chi phí cấu thành giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải

Giá thoát nước và xử lý nước thải được xác định trên nguyên tắc người xả nước thải, sử dụng dịch vụ thoát nước có trách nhiệm chi trả chi phí thu gom, xử lý nước thải. Giá thoát nước và xử lý nước thải có lộ trình điều chỉnh từ thu hồi đủ chi phí vận hành, một phần chi phí đầu tư xây dựng đến toàn bộ chi phí đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải.

1. Chi phí dịch vụ thoát nước.

2. Nguyên tắc xác định chi phí dịch vụ thoát nước.

3. Nguyên tắc và phương pháp định giá dịch vụ thoát nước.

4. Xác định khối lượng nước thải.

5. Xác định hàm lượng chất gây ô nhiễm trong nước thải.

6. Bộ Xây dựng hướng dẫn Điều này.

1. Quy định lập, thẩm định và phê duyệt giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải

1. Trách nhiệm lập, thẩm quyền thẩm định và phê duyệt giá dịch vụ thoát nước.

2. Điều chỉnh giá dịch vụ thoát nước.

3. Phương thức thu, thanh toán tiền dịch vụ thoát nước.

1. Quản lý tài chính về thoát nước và xử lý nước thải

Quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư, hỗ trợ giá dịch vụ thoát nước; quản lý và sử dụng nguồn thu, chi từ dịch vụ thoát nước, vận hành công trình. Giá thoát nước và phí nước thải là nguồn thu ngân sách nhà nước phục vụ cho đầu tư, vận hành công trình thoát nước và xử lý nước thải

1. Quy định cơ chế ưu đãi đầu tư công trình thoát nước và xử lý nước thải.

2. Quy định cơ chế hỗ trợ giá giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải.

3. Quản lý và sử dụng nguồn thu từ dịch vụ thoát nước

4. Quản lý nguồn thu, chi đối với các hợp đồng khai thác vận hành công trình thoát nước.

5. Quy định về ưu tiên nguồn vốn để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, quản lý vận hành thoát nước và xử lý nước thải.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

**CHƯƠNG VII**

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CẤP, THOÁT NƯỚC**

1. Nội dung quản lý nhà nước về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải

Quy định về quản lý điều tra cơ bản, đầu tư, phát triển; kiểm soát chất lượng dịch vụ; bảo đảm cấp nước an toàn; bảo đảm thoát nước an toàn và bền vững; bảo vệ công trình cấp, thoát nước; kiểm soát doanh nghiệp cổ phần hóa, tư nhân; chế tài xử lý vi phạm.

Quy định thẩm quyền xử lý đối với các trường hợp bảo đảm an ninh cấp nước sạch, an sinh xã hội và nguy cơ rủi ro thảm họa môi trường.

1. Trách nhiệm của Chính phủ

Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải trong phạm vi cả nước

1. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng
2. Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, Cơ quan ngang Bộ
3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp
4. Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc tham gia ý kiến, giám sát hoạt động và chất lượng dịch vụ cấp, thoát nước
5. Thanh tra xử lý vi phạm

1. Quy định về xử lý vi phạm quy định quản lý hệ thống cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải.

2. Quy định về xử lý vi phạm đối với cá nhân, tổ chức phá hoại công trình cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải.

3. Quy định về xử lý vi phạm đối với cá nhân, tổ chức tự ý vận hành công trình cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải với lý do không chính đáng, làm cản trở việc cấp nước, thu gom của hệ thống thoát nước.

4. Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về quản lý cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn.

**CHƯƠNG VIII**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

1. Điều khoản chuyển tiếp
2. Hiệu lực thi hành

-----------------------------------------------------------------------------------------

*Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá … kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2025.*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CHỦ TỊCH QUỐC HỘI** |